

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 01 - 2025

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình - Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Thới Phần.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Thắng.

2. Bà Lê Thị Mỹ Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Mỹ Phương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 163/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Sơn Quốc T1, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2008, chị T và anh Sơn Quốc T1 sống chung với nhau như vợ chồng. Đến năm 2010, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã L, huyện L. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi làm mất tình cảm vợ chồng. Chị T và anh T1 đã nhiều lần hàn gắn, đến năm 2022 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt không thể hàn gắn được, chị T và anh T1 đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 con chung là cháu Sơn Thị Nhật H (nữ), sinh ngày 15/08/2009 và cháu Sơn Thành K (nam), sinh ngày 16/08/2012, hiện các cháu đang sống với chị T. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nhật H và cháu Thành K, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Sơn Quốc T1 để tiến hành phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh T1 đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T1. Anh T1 cũng không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Tại phiên tòa anh T1 vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn anh Sơn Quốc T1 và có yêu cầu nuôi con chung. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con”. Bị đơn anh Sơn Quốc T1 có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[1.2]. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh V mặt có đơn xin vắng mặt. Bị đơn Sơn Quốc T1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có lý do. Căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T và anh T1 nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008, đến năm 2010 anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị T cho rằng mâu thuẫn giữa chị và anh T1 không thể hàn gắn, chị T không thể tiếp tục sống chung với anh T1 được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh T1. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập chị T và anh T1 để hòa giải, động viên anh chị đoàn tụ nhưng chị T có đơn xin vắng mặt, anh T1 đã được triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do. Đến thời điểm xét xử chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T1 thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, anh chị đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay nhưng không thể hàn gắn. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ mà chị T yêu cầu xin ly hôn với anh T1 là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Cho chị T và anh T1 được ly hôn.

[2.2]. Về con chung: Trong quá trình sống chung chị T và anh T1 có 2 con chung là cháu Sơn Thị Nhật H (nữ), sinh ngày 15/08/2009 và cháu Sơn Thành K (nam), sinh ngày 16/08/2012. Từ khi chị T và anh T1 ly thân cho đến nay các cháu đang sống với chị T, được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt. Ngoài ra, cháu Nhật H và Thành K đã trên 07 tuổi, các cháu có nguyện vọng được sống với chị T. Vì vậy, để đảm bảo lợi ích và sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý của các cháu nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Sơn Thị Nhật H và cháu Sơn Thành K cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng: Anh T1 chưa phải cấp dưỡng do chị T chưa yêu cầu.

[2.4]. Về tài sản chung: Chị T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5]. Về nợ chung: Chị T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), đã nộp xong.

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đối với anh Sơn Quốc T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Sơn Quốc T1.

2. Về con chung: Giao cháu Sơn Thị Nhật H (nữ), sinh ngày 15/08/2009 và cháu Sơn Thành K (nam), sinh ngày 16/08/2012 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Anh T1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị T chưa yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Chị T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị T

đã nộp theo lai thu số 0010330 ngày 30/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- VKSND huyện Long Mỹ;
- THADS huyện Long Mỹ;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã Lương Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Ngọc Thới Phần